TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày: 11/4/2019
Về việc"Tranh chấp đòi lại tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **LÊ NGỌC TRẦM**.

2. Bà **ĐỖ THỊ MỸ HẠNH**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **PHẠM THỊ HỒNG NHUNG** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa:* Bà **NGUYỄN LÂM THÚY VI** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 595/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1987 – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

***Bị đơn*:** Anh **Trương Văn S**, sinh năm 1994 – có mặt.

Địa chỉ: XX, tổ Y, ấp H, xã H, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 12 năm 2018 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày:

Trong năm 2018, chị T và anh Trương Văn S có quan hệ tình cảm và có một thời gian sống chung với nhau như vợ chồng. Trong thời gian quen biết nhau, anh S có mượn tiền của chị T các khoản sau:

- Mượn 10.000.000 đồng để chuộc xe của anh S đang cầm cố.
- Anh S có tự lấy của chị T 23.000.000 đồng tiêu xài.
- Bộ Xi men của chị T bán cho anh S mượn số tiền 12.000.000 đồng.

Tổng cộng là 45.000.000 đồng, sau khi chia tay, chị T đòi tiền thì anh S có tự viết giấy nhận nợ đề ngày 01/8/2018 có nội dung anh S có nợ chị T tổng số tiền 45.000.000 đồng và hẹn 03 tháng sau trả, nhưng đến hẹn anh S không trả.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu anh S có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 45.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi đưa tiền cho anh S chuộc xe thì anh S có trả lại cho chị T 1.000.000 đồng nên chị T đồng ý khấu trừ. Chị T yêu cầu anh S có nghĩa vụ trả cho chị số tiền 44.000.000 đồng, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trương Văn S trình bày:

Anh S thống nhất lời trình bày của chị T về mối quan hệ giữa hai bên. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T thì anh S thừa nhận có tự lấy số tiền 23.000.000 đồng của chị T để tiêu xài; thừa nhận chị T có đưa cho anh S số tiền 10.000.000 đồng để chuộc xe; thừa nhận chị T có bộ xi men, chị T đã tự bán nhưng được số tiền bao nhiêu thì anh S không biết chính xác. Trong thời gian sống chung như vợ chồng, cả anh S và chị T đều bỏ tiền ra để tiêu xài chung và chị T là người giữ tiền. Sau khi chia tay, chị T yêu cầu anh S viết giấy nợ 03 khoảng là 45.000.000 đồng nếu không viết thì chị T tự tử trong nhà anh S. Do anh S bối rối nên có tự viết giấy nhận nợ theo yêu cầu của chị T số tiền 45.000.000 đồng và tự ký tên, lăn tay. Giữa anh S và chị T không có việc vay mượn tiền như lời chị T trình bày. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, trước đây anh S chỉ đồng ý trả số tiền 28.000.000 đồng, nay tại phiên tòa anh S đồng ý trả lại cho chị T số tiền 44.000.000 đồng theo yêu cầu của chị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành trình bày:

Về thủ tục tố tụng:

Hội đồng xét xử và các bên đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định pháp luật

Về nội dung vụ án:

Chị T khởi kiện yêu cầu anh S có nghĩa vụ trả số tiền 44.000.000 đồng, tại phiên tòa anh S đồng ý trả theo yêu cầu của chị T nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, chấp

nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T. Buộc anh S phải có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 44.000.000 đồng. Giải quyết phần án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Trong thời gian chị T và anh S sống chung như vợ chồng, cả hai cùng nhau bỏ tiền đã tiêu xài chung, tuy nhiên, sau khi chia tay, anh S có viết giấy đồng ý trả lại cho chị T số tiền 45.000.000 đồng nhưng anh S không trả nên hai bên phát sinh tranh chấp, đây là tranh chấp đòi tài sản được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu anh S trả số tiền 44.000.000 đồng thấy rằng: Tại phiên tòa, anh S thừa nhận có tự lấy của chị T số tiền 23.000.000 đồng để tiêu xài, thừa nhận chị T có đưa cho anh số tiền 10.000.000 đồng để chuộc xe; thừa nhận chị T có bộ xi men, chị T đã tự bán để cả hai tiêu xài chung và thừa nhận sau khi chia tay, chị T có yêu cầu anh tự viết giấy nhận nợ đề ngày 01/8/2018 tự ký tên và lăn tay thể hiện anh có nợ chị T số tiền 45.000.000 đồng và hẹn 03 tháng sau sẽ trả cho chị T nhưng chưa trả. Trong thời gian anh S và chị T sống chung như vợ chồng, anh và chị T đều bỏ tiền ra để tiêu xài chung. Giữa anh S và chị T không có việc vay mượn tiền như lời chị T trình bày. Số tiền 45.000.000 đồng là tiền chị T bỏ ra để cả hai tiêu xài chung. Nay chị T yêu cầu anh S trả lại số tiền 44.000.000 đồng thì anh S đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T đối với anh S. Buộc anh S phải có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 44.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Anh S phải chịu 5% x 44.000.000 đồng = 2.200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh T đối với anh Trương Văn S.

Buộc anh Trương Văn S phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thanh T số tiền 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Anh Trương Văn S phải chịu 2.200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Nguyễn Thanh T số tiền 1.125.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0012714 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Trương Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thanh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THA DS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Kim Phụng